

Các bước đăng ký cho con đi Nhà trẻ / Trường mẫu giáo

申し込みの流れ

Nhà trẻ 保育園 (ほいくえん)

Thu thập thông tin tại trụ sở hành chính và lấy đơn đăng ký
 役所で情報を集める・申請書をもらう

Tham quan Nhà trẻ 保育園を見学する

Viết đơn đăng ký xin vào Nhà trẻ
 保育園に入るための申請書を書く

Nộp đơn đăng ký lên trụ sở hành chính
 申請書を役所に提出する

Được trụ sở hành chính chấp thuận cho con đi Nhà trẻ
 役所から保育園の利用許可をもらう

Bắt đầu đi Nhà trẻ 保育園利用を開始する

Trường mẫu giáo 幼稚園 (ようちえん)

Thu thập thông tin tại trụ sở hành chính v.v.
 役所などで情報を集める

Đi đến Trường mẫu giáo mà bạn muốn cho con đi và lấy đơn đăng ký
 行きたい幼稚園に願書を取りに行く

Viết đơn xin đi Trường mẫu giáo
 幼稚園の願書を書く

Nộp đơn cho Trường mẫu giáo
 願書を幼稚園に提出する

Phụ huynh và con sẽ được phỏng vấn ở Trường mẫu giáo
 幼稚園で保護者と本人が面接を受ける

Được Trường mẫu giáo nhận vào 幼稚園に合格する

Vào học Trường mẫu giáo 幼稚園に入園する

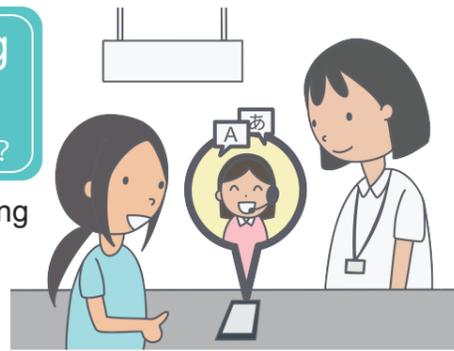
Nên xin tư vấn ở đâu khi không biết cách đăng ký và cách viết đơn xin?

申し込みの仕方や願書の書き方がわからないときは、どこに相談したらいいですか？

Hãy thử đến quầy tư vấn về nuôi dạy trẻ của chính quyền địa phương
 自治体の保育担当窓口にてきいてみましょう。

Nếu gặp khó khăn về tiếng Nhật, có thể xin tư vấn tại quầy tư vấn bằng nhiều ngôn ngữ của chính quyền địa phương. Ngoài ra, có thể được trợ giúp về ngôn ngữ tại Trung tâm hướng dẫn tổng hợp đa ngôn ngữ Kanagawa. Xin hãy liên lạc với Trung tâm.

日本語が難しければ、自治体の多言語相談窓口にご相談できます。そのほか、多言語支援センターかながわでも言葉のお手伝いができます。連絡をしてください。



たげんごしえん
 多言語支援センターかながわ
 Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ Kanagawa
<https://kifjp.org/kmlc/vie/>



Xin hãy xem trọng ngôn ngữ và văn hóa của cha mẹ.

お父さん・お母さんの言語や文化は大切にしてください。

Ngay cả khi trẻ trong gia đình có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Nhật đi Nhà trẻ / Trường mẫu giáo hoặc trường tiểu học nơi ngôn ngữ được sử dụng là tiếng Nhật, ngôn ngữ trong gia đình là "tiếng mẹ đẻ" của cha hoặc mẹ được cho là tốt hơn. Có 3 lý do.

日本語が母語でない家庭のお子さんが日本語の保育園・幼稚園・小学校に通っていても、家の中の言語はお父さん・お母さんの「母語」が良いと言われています。その理由は3つあります。

1. Cha mẹ có thể an tâm trò chuyện một cách tự tin.
 親が自信をもって安心して話ができる。
2. Cha mẹ có thể nói nhiều những chuyện chất chứa kinh nghiệm và kỷ niệm của cha mẹ.
 親がたくさん経験や思い出をこめて話ができる。
3. Cha mẹ có thể truyền đạt rất nhiều điều một cách kỹ lưỡng.
 親がたくさんのことを丁寧に伝えられる。



参考資料: 奥村安寿子 (2022) 第6回BM子ども相談室勉強会資料 (「多言語環境での子育ての「ことば」ワークショップ」)

Gửi những quý vị xuất thân từ nước ngoài và đang nuôi dưỡng con ở Nhật Bản Bạn có biết về Nhà trẻ / Trường mẫu giáo của Nhật Bản?

これから日本で子育てをしていく外国出身の皆さんへ
 保育園・幼稚園を知っていますか？

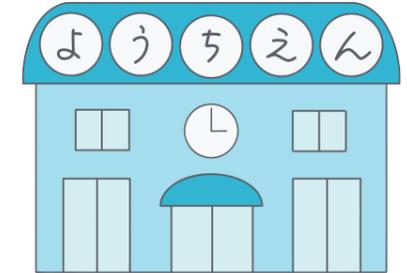
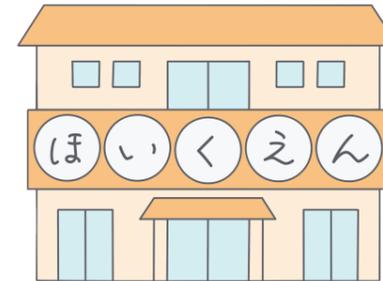
Tiếng Việt - ベトナム語

Ở Nhật Bản, có 2 loại cơ sở dành cho trẻ em trước khi trẻ vào học Tiểu học. Ở Nhật Bản, hầu hết trẻ em đều đến Nhà trẻ / Trường mẫu giáo.

* Mặc dù có các cơ sở khác như Vườn trẻ được chứng nhận và Cơ sở chăm sóc trẻ em không được chứng nhận, nhưng ở đây chúng tôi sẽ chỉ giới thiệu về Nhà trẻ / Trường mẫu giáo.

日本には小学校の前に通える施設が2種類あります。日本では、ほとんどの子どもたちが保育園か幼稚園に通います。

※その他、認定こども園や認可外保育施設などもありますが、ここでは保育園・幼稚園を紹介します。



Những quý vị đang nuôi con nhỏ ở Nhật Bản có thử suy nghĩ đến việc cho con bạn đi Nhà trẻ / Trường mẫu giáo không? Việc đi Nhà trẻ / Trường mẫu giáo có nhiều điểm hay.

日本で子育てをしている方は、子どもをどちらかに行かせることを考えてみませんか？園に通うとたくさんの良いことがあります。



Trẻ làm quen với cuộc sống tập thể và giao tiếp bằng tiếng Nhật.

子どもが日本の集団生活や日本語でのやり取りに慣れます。



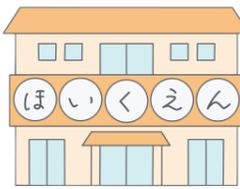
Phụ huynh có thể biết các thông tin như nuôi dạy con và giáo dục ở Nhật Bản.

親が日本の子育てや教育などの情報を知ることができます。



Cha mẹ và con cái có thể làm quen với nhiều người trong khu vực và trở thành bạn bè với nhau.

親子で地域のいろいろな人と知り合え、友達になることができます。



Nhà trẻ 保育園 (ほいくえん)

Giữ trẻ em vào ban ngày thay cho cha mẹ đi làm hoặc ốm đau. Đây cũng là nơi chuẩn bị cho trẻ vào trường tiểu học khi còn nhỏ (trên 3 tuổi).
仕事をしごとをする親おやや病びょうきの親おやのかわりに昼ひる間に子こどもを預あづかります。幼ようじう児に期き(3歳さい以上じょう)は小しょう学がく校こうに入いる準じゆん備びもします。



Đăng ký ở đâu?

Đăng ký tại Phòng phụ trách nuôi dạy trẻ em của trụ sở hành chính.

どこで申し込もうみますか?

やくしよ ほいくたんとが もう こ 役所の保育担当課で申し込もうみます。

Đăng ký khi nào?

Trường hợp vào Nhà trẻ ký tháng 4, hãy nộp đơn trước tháng 10 hoặc tháng 11 của năm trước năm mà bạn muốn cho con vào học. (Thời kỳ đăng ký khác nhau tùy thuộc vào từng chính quyền địa phương) Nếu vào học những tháng khác ngoài tháng 4, thì hãy đăng kí muộn nhất vào ngày được quy định của tháng trước đó.

いつ申し込もうみますか?

がつにゆうえん ばあい はい とし ぜんねん がつ がつ 4月入園の場合は、入りたい年の前年10月か11月までに申し込もうみます。(自治体によって申込時期が違います) がつがい ぜんげつ き ひつげ がつにゆうえん ばあい 4月以外は前月の決まった日付までに申し込もうみます。

Vì thời kỳ đăng ký khác nhau tùy khu vực mà bạn đang sống, nên xin vui lòng xác nhận tại trụ sở hành chính.

す ちいき ちが やくしよ かくにん 住んでいる地域によって違うため役所で確認してください。

Trẻ từ mấy tuổi thì có thể đi Nhà trẻ?

Trẻ em từ 0 đến 6 tuổi (trước khi vào tiểu học) đều có thể đi Nhà trẻ.

* Độ tuổi đi Nhà trẻ cũng có thể khác nhau tùy thuộc vào từng Nhà trẻ



なんさい こ かの 何歳の子どもが通えますか?

さい さい しょうがっこう はい かの 0歳~6歳(小学校に入るまで)は通うことができます。 ※園によってかよ ねんれい ちが 年齢が違ちがうこともあります。

Trẻ đi Nhà trẻ cần phải có những điều kiện gì?

Cha mẹ đi làm, ốm đau, v.v.

こ かの じょうけん 子どもが通うための条件はありますか?

りょうしん はたら びょうき 両親が働いている、病気など

Bất cứ trẻ nào cũng có thể vào Nhà trẻ phải không?

Trong những trường hợp như không đủ điều kiện hoặc nếu Nhà trẻ đã đủ chỗ v.v., thì không thể vào học.

だれ こ にゆうえん 誰でも入園できますか?

じょうけん あ ばあい ていいん たつ ばあい 条件に合わない場合や定員に達している場合などは 入ることができません。

Lịch hoạt động trong 1 ngày

1日の流れ

7:30-8:30 sáng
7:30 a.m. - 8:30 a.m.



Đưa trẻ đến Nhà trẻ
送り

11:30 sáng
11:30 a.m.



Ăn trưa
給食

Những đồ ăn như đồ ăn Halal (đồ ăn theo luật Hồi giáo) v.v. không được cung cấp, nên cũng có trường hợp phải tự mang theo bữa trưa của mình.



ハラールフードなどは対応していないため 昼食を持参することもあります。

4:30-6:30 chiều
4:30 p.m. - 6:30 p.m.



Đón trẻ về
迎え

Ví dụ phổ biến

一般的な例

Chi phí

費用

0 tuổi 1 tuổi 2 tuổi 3 tuổi 4 tuổi 5 tuổi
0歳 1歳 2歳 3歳 4歳 5歳

Phải trả tiền
Phí nuôi giữ trẻ em khác nhau tùy thuộc vào mức lương của cha mẹ.

お金はかかります。
親の給料によって保育料が違います。

Từ tháng 4 năm sau khi trẻ tròn 3 tuổi 3歳になった次の4月から

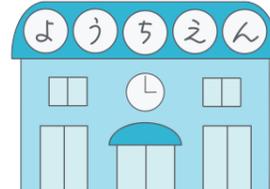
không tốn phí nuôi giữ trẻ. Cũng có khi tốn một vài chi phí khác ngoài phí nuôi giữ trẻ. 保育料はかかりません。 保育料以外でお金がかかることがあります。

Ngày nghỉ

お休み

Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối năm và đầu năm mới

にちようび しゆくじつ ねんまつねんし 日曜日、祝日、年末年始



Trường mẫu giáo 幼稚園 (ようちえん)

Giáo dục trước khi vào trường tiểu học
しょうがっこう はい まま きょういく 小学校に入る前に教育します

Đăng ký ở đâu?

Đăng ký trực tiếp cho Trường mẫu giáo mà bạn muốn cho con theo học.



どこで申し込もうみますか?

かよ しょうちえん ちよくせつもう こ 通とうたい幼稚園に直接申し込もうみます。

Đăng ký khi nào?

Có một ngày nộp đơn vào khoảng tháng 10 hoặc tháng 11 của năm trước năm vào Trường mẫu giáo.

いつ申し込もうみますか?

にゆうえんぜんねん がつ がつ がんしよ だ ひ 入園前年の10月~11月ぐらいに願書を出す日があります。

Vì ngày nộp đơn xin khác nhau tùy mỗi Trường mẫu giáo, nên xin hãy xác nhận với Trường mẫu giáo.

しょうちえん ちが えん かくにん 幼稚園によって違うため、園に確認してください。



Trẻ từ mấy tuổi thì có thể đi Nhà trẻ?

Về nguyên tắc, trẻ em từ 3 đến 6 tuổi (trước khi vào Trường tiểu học) theo học. Cũng có một số Trường mẫu giáo có lớp cho trẻ 2 tuổi.

なんさい こ かの 何歳の子どもが通えますか?

げんそく さい さい しょうがっこう はい かの 原則3歳~6歳(小学校に入るまで)が通います。 園によっては2歳児クラスもある場合があります。

Trẻ đi Trường mẫu giáo cần phải có những điều kiện gì?

Vì mỗi Trường mẫu giáo khác nhau nên cần phải xác nhận với từng Trường mẫu giáo.

こ かの じょうけん 子どもが通うための条件はありますか?

しょうちえん ちが かくようちえん かくにん ひつよう 幼稚園により違うため、各幼稚園へ確認が必要です。

Bất cứ trẻ nào cũng có thể vào Nhà trẻ phải không?

Cũng có trường hợp không được vào Trường mẫu giáo do kết quả phỏng vấn ở Trường mẫu giáo.

だれ にゆうえん 誰でも入園できますか?

しょうちえん めんだん お 幼稚園の面談により落ちることはあります。

Lịch hoạt động trong 1 ngày

1日の流れ

Nuôi giữ trẻ thông thường

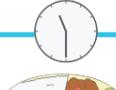
通常保育

9:00 sáng
9:00 a.m.



Đưa trẻ đến Nhà trẻ
送り

11:30 sáng
11:30 a.m.



Cơm hộp (Obento)
お弁当

(mang đến trường từ nhà)
* Cần xác nhận vì có một số Trường mẫu giáo cung cấp bữa trưa.

Đưa trẻ đến Nhà trẻ
送り

(家から持参します。)
※給食がある園もあるため確認が必要です。

2:30 chiều
2:30 p.m.



Đến đón trẻ về
迎え

Ví dụ phổ biến

一般的な例

Nuôi giữ trẻ thêm giờ 預かり保育

Một số Trường mẫu giáo nhận giữ trẻ trước và sau giờ làm việc chính thức của trường. (Sẽ tính thêm phí riêng.)

幼稚園の始まる前の時間帯と後の時間帯に 子どもを預けることのできる園もあります。 (別にお金がかかります。)

Chi phí

費用

Theo nguyên tắc là miễn phí nuôi giữ cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên. Những thứ phải trả tiền: Phí nhập học, phí giáo dục tại trường, phí đồng phục, đồ dùng học tập, phí nuôi giữ trẻ thêm giờ v.v.

* Trường hợp nhận được chấp thuận nuôi giữ trẻ em tại Vườn trẻ được chứng nhận, thì sẽ thuộc đối tượng được miễn phí nuôi giữ trẻ.

保育料は3歳以上は原則無料。

お金のかかるもの: 入園費、学校教育費、制服代、学用品、延長保育など ※認定こども園で保育認定を受けた場合は預かり保育は無償化の対象内になります。



Ngày nghỉ

お休み

Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối năm và đầu năm mới, nghỉ hè, nghỉ đông, nghỉ xuân

(Một số Trường mẫu giáo có thể nhận nuôi giữ trẻ em trong các kỳ nghỉ dài, nhưng sẽ tính thêm phí riêng.)

にちようび しゆくじつ ねんまつねんし なつやす ふゆやす ほんやす 日曜日、祝日、年末年始、夏休み、冬休み、春休み (長期休みに預かり保育ができる園もありますが、別にお金がかかります。)